| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÙ ĐĂNG**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **20**/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 23-4-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Ngọc Thắng

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2021/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX - ST ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Lan A, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện E, tỉnh Bình Phước

*(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Chu Lan A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện E, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể tiếp tục chung sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018

cho đến nay. Nay chị A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị A và anh H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/3/2014, nay ly hôn chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H cho đến khi cháu thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị A cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn số 36 quyển số 01/2013 ngày 13/8/2013 của Ủy ban nhân dân xã Đ; bản sao chứng minh nhân dân; bản sao sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh; giấy xác nhận nơi cư trú. Ngoài ra, chị A không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:* Anh H và chị A tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đúng như lời trình bày của chị Chu Lan A. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh H thì anh H đồng ý.

Về con chung: Chị A và anh H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/3/2014, nay ly hôn anh H đồng ý giao cháu H cho chi Anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Cháu Nguyễn Minh H trình bày:* Cháu H là con của anh Nguyễn Văn H và chị Chu Lan A. Hiện nay cháu đang sống chung với mẹ nên nếu bố mẹ ly hôn, cháu H có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị Chu Lan A.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị Chu Lan A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại xã Đ, huyện E, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện E.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đây là vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện E, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản gốc giấy chứng nhận kết hôn số 36/2013 ngày 13/8/2013 đã được chị A cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh H là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Chị A và anh H đều thống nhất việc sau khi kết hôn thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng quan điểm dẫn đến việc thường xuyên cãi vã với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh H là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa anh H cũng đồng ý ly hôn với chị A. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị A.

[4] Về con chung: Chị A và anh H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/3/2014. Xét thấy, khi chị A và anh H sống ly thân từ năm 2018 thì cháu H do chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H đồng ý giao cháu H cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Qua làm việc thì cháu H cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị A nếu anh H và chị A ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị A, giao cháu H cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Lan A về việc ly hôn. Chị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/3/2014 cho chị Chu Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Chu Lan A phải nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 015946 ngày 08/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặ t tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết công khai.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
-UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Đào**